

Đơn vị: TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC CƠ
Chương: 423

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(Quý III NĂM 2026)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trung tâm y tế Đức Cơ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2026 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý III/năm 2026	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	13.805.000.000	5.742.119.022		
1	Lệ phí				
2	Phí	13.805.000.000	5.742.119.022	42%	147%
	Viện phí	2.000.000.000	1.424.980.020	71%	343%
	BHYT	11.670.000.000	4.269.574.602	37%	124%
	Thu khác	135.000.000	47.564.400	35%	100%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	13.805.000.000	3.313.493.857		
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	13.805.000.000	3.313.493.857		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	13.805.000.000	3.313.493.857	24%	97%
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	17.000.000	26.482.060		
1	Lệ phí...				
2	Phí	17.000.000	26.482.060		
	Nộp thuế(Nhà xe, căn tin)	17.000.000	26.482.060		556%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.893.629.000	4.796.099.543		
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.893.629.000	4.796.099.543		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi hoạt động kinh tế	17.893.629.000	4.796.099.543		

	Bệnh viện	13.434.905.000	3.932.150.149		
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10.409.000.000	3.124.564.874	30%	
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.025.905.000	807.585.275	27%	
	Y tế Dự phòng	3.798.524.000	811.455.315		
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.257.100.000	698.153.032	21%	174%
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	541.424.000	113.302.283	21%	34%
	Dân số	660.200.000	52.494.079		
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	584.200.000	44.911.669	8%	19%
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	76.000.000	7.582.410	10%	13%